

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **19/2023/DS-ST**

Ngày 27/7/2023

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Phước, ông Vũ Thị Lựu

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên

Trong các ngày 18/11/2022, ngày 24/02/2023, ngày 09/3/2023, ngày 20/7/2023 và ngày 27/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLST-DS ngày 20/12/2019 v/v *Tranh chấp di sản thừa kế*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022; Thông báo v/v tiếp tục phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023; Thông báo v/v mở lại phiên tòa số 15/2023/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2023; Thông báo v/v hoãn thời gian mở phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh **Phạm Ngọc L**, sinh năm 1995

HKTT: F18/54 **Khu phố G, phường C, TP ., Tỉnh Bình Dương.**

Người đại diện theo ủy quyền của anh **Phạm Ngọc L**: Ông **Phạm Cao K**, sinh năm 1981, HKTT: **số C, khu phố C, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.** (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông **L** là ông **Nguyễn Trịnh H**, sinh năm 1990, địa chỉ: **Công ty TNHH MTV H5 – Chi nhánh B1.**

Địa chỉ: Tổ B, khu phố P - Phường T - Thành Phố Đ - Bình Phước (Có mặt)

**Bị đơn:** Bà **Phạm Thị Cẩm V**, sinh năm 1958, HKTT: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị **Nguyễn Thị Thu U**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

2/ Ông **Phạm Quốc H1**, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

3/ Ông **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1962 (đã chết).

*Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D là:*

- Anh **Phạm Ngọc L**, sinh năm 1995;

HKTT: Khu phố I, phường C, Tp ., tỉnh Bình Dương

- Chị **Phạm Ngọc Lâm T**, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước

- Chị **Phạm Ngọc Kim T1**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền của chị **T1**: Ông **Phạm Cao K**, sinh năm 1981,

HKTT: số C, khu phố C, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

4/ Ông **Phạm Văn T2**, sinh năm 1962, HKTT: Khu phố E, phường L, TX P, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

5/ Ông **Phạm Quốc Đ**, sinh năm 1970 (đã chết).

Địa chỉ: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

*Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ là:* Anh **Phạm Quốc C**, sinh năm 1993, địa chỉ: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

6/ Bà **Phạm Thị Bích L1**, sinh năm 1965, HKTT: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

7/ Bà **Lâm Cẩm B**, sinh năm 1970, HKTT: Ấp A, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

8/ Văn phòng C1 (cũ), nay là Văn phòng C2. Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn – Anh **Phạm Ngọc L** và phần trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Phạm Cao K** trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa:*

Bà **Nguyễn Thị L2** là vợ của ông **Phạm Văn T3** (chết năm 1975), bà **L2** và ông **T3** sinh được 07 người con chung gồm: Bà **Phạm Thị Cẩm H2**, sinh năm 1955, bà **Phạm Thị Cẩm V**, sinh năm 1958, ông **Phạm Quốc H1**, sinh năm 1960, ông **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1962 (đã chết), Ông **Phạm Văn T2**, sinh năm 1962, ông **Phạm Quốc Đ**, sinh năm 1969 (đã



chết), Bà **Phạm Thị Bích L1**, sinh năm 1965. Sau khi ông **T3** chết, bà **Nguyễn Thị L2** sống tại **thị trấn P, huyện P** (cũ) cùng các con của bà **L2**. Ngày 02/7/2017, bà **Nguyễn Thị L2** chết. Bà **L2** chết không để lại di chúc, để lại di sản là 01 thửa đất có diện tích 9.353,5 m<sup>2</sup> (Trong đó 140 m<sup>2</sup> đất thổ cư, 9213.5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 851/ĐS QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện **P** (cũ) cấp cho hộ bà **Nguyễn Thị L2** ngày 13/9/2004, và tài sản trên đất.

Hàng thừa kế thứ nhất của bà **Nguyễn Thị L2** gồm: Bà **Phạm Thị Cẩm H2**, bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Quốc H1**, ông **Phạm Ngọc D** (đã chết), ông **Phạm Văn T2**, ông **Phạm Quốc Đ** (đã chết), bà **Phạm Thị Bích L1**. Bà **L2** không có con nuôi, bố mẹ ruột và chồng bà **L2** là ông **Phạm Văn T3** đã chết trước bà **L2** từ lâu.

Ngày 21/12/2017, ông **Phạm Ngọc D** là con ruột là **L2** chết. Anh **Phạm Ngọc L** là con ruột của ông **Phạm Ngọc D** (ông **D** có 03 người con ruột là: Chị **Phạm Ngọc Lâm T**, chị **Phạm Ngọc Kim T1**, anh **Phạm Ngọc L**). Ông **Phạm Ngọc D** chết sau bà **L2** nên ông **D** được hưởng 01 phần di sản thừa kế theo pháp luật.

Anh **Phạm Ngọc L** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xác định phần di sản của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà **Nguyễn Thị L2**, buộc bà **Phạm Thị Cẩm V** phải trả lại phần di sản thừa kế của ông **Phạm Ngọc D** cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **D**, trong đó có anh **Phạm Ngọc L**.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/01/2021, ông **Phạm Cao K** - người đại diện theo ủy quyền của anh **Phạm Ngọc L** yêu cầu: Buộc bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Văn T2**, ông **Phạm Quốc H1**, ông **Phạm Quốc Đ** (là người đã phân chia và nhận di sản của bà **Nguyễn Thị L2**) có nghĩa vụ hoàn lại phần di sản mà anh **L** được hưởng từ ông **Phạm Ngọc D** theo quy định. Nguyên đơn chỉ yêu cầu phân chia diện tích đất, không yêu cầu về tài sản trên đất. Trong trường hợp bà **V**, ông **H1**, ông **T2**, ông **Đ** có người chết thì những người được hưởng thừa kế có nghĩa vụ hoàn lại trong phạm vi di sản mà họ được hưởng.

Tại phiên tòa, ông **Phạm Cao K** là người đại diện theo ủy quyền của anh **Phạm Ngọc L** trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Văn T2**, ông **Phạm Quốc H1**, ông **Phạm Quốc Đ** (là người đã phân chia và nhận di sản của bà **Nguyễn Thị L2**) có nghĩa vụ hoàn lại phần di sản mà anh **L** được hưởng từ ông **Phạm Ngọc D** theo quy định. Nguyên đơn chỉ yêu cầu phân chia diện tích đất, không yêu cầu về tài sản trên đất. Giá trị thửa đất tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng kết quả định giá tài sản tại Chứng thư thẩm định giá số 119302012CTA00027 ngày 01/3/2022 của Công ty TNHH **T4** là 16.449.220.000 (Mười sáu tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu hai trăm hai mươi) đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông **L** là ông **Nguyễn Trịnh H** thống nhất với phần trình bày của ông **Phạm Cao K**. Đồng thời, tại phiên tòa ngày 27/7/2023, ông **H** đề nghị Tòa án không căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 28/02/2023 để đánh giá tính hợp

pháp của Chứng thư thẩm định giá số 119302012CTA00027 ngày 01/3/2022 của Công ty TNHH T4.

*Theo trình bày của bị đơn – Bà Phạm Thị Cẩm V trong quá trình giải quyết vụ án:*

Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 20/12/2019, bà Phạm Thị Cẩm V cho biết phần đất 11.788m<sup>2</sup> tọa lạc tại Khu phố P, phường P, TX P, tỉnh Bình Phước là của bà Nguyễn Thị L2 có được sau khi ông Phạm Văn T3 chết năm 1975. Bà V cho biết khi bà L2 còn sống đã chia đều phần đất này cho 06 người con (V, H1, D, T2, Đ, L1). Phần ông D đã bán cho ông Phạm Văn T2 (em ruột ông D) nhưng sau này ông T2 làm ăn thua lỗ đã bán cho người khác. Phần đất còn lại gia đình vẫn đang sử dụng.

Bà Phạm Thị Cẩm V không biết bà Nguyễn Thị Thúy N và anh Phạm Ngọc L là ai nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc L.

Tại bản tự khai đề ngày 23/11/2020, bà V đề nghị Tòa án không triệu tập bà V làm việc nữa vì sức khỏe bà V rất kém.

*Theo trình bày của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn T2 và chị Phạm Ngọc Lâm T trong quá trình giải quyết vụ án:*

Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 20/12/2019, ông Phạm Văn T2 và chị Phạm Ngọc Lâm T thống nhất với ý kiến của bà Phạm Thị Cẩm V, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc L.

*Theo trình bày của ông Phạm Cao K - Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chị Phạm Ngọc Kim T1 trong quá trình giải quyết vụ án:*

Chị T1 là con của ông Phạm Ngọc D với người khác đã ly hôn, là 01 trong 03 người con hợp pháp của ông D nên bà T1 tham gia chỉ để xác định phần di sản của mình trong khối tài sản ông D được hưởng từ bà L2. Do chị T1 không khởi kiện buộc những người thừa kế phải phân chia di sản cho mình nên trong vụ án chị T1 chỉ tham gia để xác định phần di sản của mình, không có yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị Bích L1 đã được Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai triệu tập làm việc để ghi nhận ý kiến đối với vụ án (Theo nội dung ủy thác của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long) nhưng bà Phạm Thị Bích L1 từ chối để Tòa án ghi lời khai vì cho rằng mình không liên quan đến vụ tranh chấp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chị Nguyễn Thị Thu U, ông Phạm Quốc H1, ông Phạm Quốc Đ, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ là: anh Phạm Quốc C, bà Lâm Cẩm B, Đại diện theo pháp luật của Văn phòng C2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận ý kiến được.



***Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 147, các điều 244, 266, 273 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các Điều 116; 117, 609, 612, 616 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Bộ luật dân sự 2015 tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc buộc bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Văn T2**, ông **Phạm Quốc H1**, ông **Phạm Quốc Đ** (là người đã phân chia và nhận di sản của bà **Nguyễn Thị L2**) có nghĩa vụ hoàn lại phần di sản mà anh **L** được hưởng từ ông **Phạm Ngọc D** theo quy định, giá trị di sản bà **L2** để lại được tính theo kết quả định giá của Hội đồng định giá **thị xã P** lập ngày 30/12/2021 là 2.793.764.200 đồng, đề nghị tuyên buộc **Phạm Văn T2**, **Phạm Quốc H1**, người kế thừa nghĩa vụ tố tụng của **Phạm Quốc Đ** và **Phạm Thị Cẩm V** trả cho nguyên đơn số tiền 133.036.390 đồng (mỗi người trả  $\frac{1}{4}$  số tiền trên).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] *Về thẩm quyền*: Thừa đất tranh chấp tọa lạc tại **khu phố P, thị xã P, tỉnh Bình Phước** nên Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nguồn gốc thừa đất và hiện trạng*: Việc các bên thừa nhận thừa đất có diện tích 9.353,5 m<sup>2</sup> (Trong đó 140 m<sup>2</sup> đất thổ cư, 9213.5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại **Khu phố P, phường P, TX P, tỉnh Bình Phước** theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 851/ĐS QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho hộ bà **Nguyễn Thị L2** ngày 13/9/2004 là của cụ **Nguyễn Thị L2** nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận đó là sự thật.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại Điều 623 của BLDS thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Bà **Nguyễn Thị L2** chết năm 2017 nên yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Ngọc L** còn thời hiệu.

[5]. *Về diện được hưởng thừa kế và kỉ phần*: Cụ **Nguyễn Thị L2**, cụ **Phạm Văn T3** có 07 người con chung gồm bà **Phạm Thị Cẩm H2**, bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Quốc**

H1, ông Phạm Ngọc D (đã chết), ông Phạm Văn T2, ông Phạm Quốc Đ (đã chết), bà Phạm Thị Bích L1. Trong quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào cung cấp được có tài liệu chứng minh người thuộc diện thừa kế không được hưởng di sản thừa kế cũng như phải thực hiện nghĩa vụ của người để lại di sản thừa kế, không có đương sự nào cung cấp được di chúc của cụ L2 đối với thửa đất tranh chấp nên có cơ sở xác định cụ L2 chết để lại thửa đất có diện tích 9.353,5 m<sup>2</sup> (Trong đó 140 m<sup>2</sup> đất thổ cư, 9213.5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) không có di chúc tọa lạc tại Khu phố P, phường P, TX P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 851/ĐS QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L2 ngày 13/9/2004 có diện tích 11.788m<sup>2</sup> (chỉnh lý trang IV ngày 28/02/2005 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T2 2194m<sup>2</sup> tại thửa số 109<sup>A</sup> và ngày 24/10/2008 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quốc Đ diện tích 60m<sup>2</sup> ODT + 180.5m<sup>2</sup> CLN). Bà Phạm Thị Cẩm H2 (chết năm 2004) là chết trước khi cụ L2 chết nên chị Nguyễn Thị Thu U (con ruột bà H2) thuộc trường hợp Thừa kế thế vị, sẽ được hưởng phần di sản mà bà H2 được hưởng nếu còn sống theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự. Có cơ sở xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ L2 gồm chị Nguyễn Thị Thu U, bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Quốc H1, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích L1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 192/01, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho anh Phạm Ngọc L, sinh ngày 20/5/1995; cấp ngày 01/10/2001 có tên cha Phạm Ngọc D, tên mẹ Nguyễn Thị Thúy N. Có cơ sở xác định anh Phạm Ngọc L là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Ngọc D (con ruột cụ L2).

Căn cứ vào bản trích lục khai tử số 55/TLKT-BS ngày 18/01/2018 xác định ông Phạm Ngọc D chết vào ngày 21/12/2017 (sau ngày chết của cụ L2). Có cơ sở xác định tại thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ L2 (ngày 02/10/2017) thì ông Phạm Ngọc D được hưởng 01 phần của người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L2. Do ông Phạm Ngọc D chết, nguyên đơn anh Phạm Ngọc L (con ruột ông D) khởi kiện yêu cầu được hưởng 01 phần trong phần di sản của ông Phạm Ngọc D là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự.

Xét người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D: Ông D có 03 con ruột là Phạm Ngọc Lâm T, Phạm Ngọc Kim T1 và anh Phạm Ngọc L; ông D ly hôn bà Nguyễn Thị Thúy N (mẹ ruột L) vào ngày 10/11/2017 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 514-QĐST-HNGĐ ngày 10/11/2017. Vì vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông D gồm chị Phạm Ngọc Lâm T, chị Phạm Ngọc Kim T1, anh Phạm Ngọc L. Nguyên đơn - Anh Phạm Ngọc L được hưởng 1/3 phần di sản của ông D.



[6] Xét yêu cầu của bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Quốc H1**, ông **Phạm Văn T2**, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **Phạm Quốc Đ** có nghĩa vụ hoàn lại phần di sản mà anh **L** được hưởng từ ông **Phạm Ngọc D**:

Căn cứ vào các tài liệu có trong Hồ sơ công chứng lưu trữ số 00002445, quyền số 02/2018 do **Văn phòng C2** (trước đây là **Văn phòng C1**) cung cấp có Tờ trình về quan hệ nhân thân của bà **Phạm Thị Cẩm V** năm 2018 có nội dung kê khai cụ **Nguyễn Thị L2** có 04 người con là khai sai sự thật, có tình giấu thông tin của 03 người con còn lại của cụ **Nguyễn Thị L2** gồm bà **Phạm Thị Cẩm H2**, ông **Phạm Ngọc D** và bà **Phạm Thị Bích L1**, mặt khác văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 18/4/2018 của bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Văn T2**, ông **Phạm Quốc H1**, ông **Phạm Quốc Đ** lập tại **Văn phòng C1** (cũ) thể hiện ông **T2**, ông **H1**, ông **Đ** và bà **V** thỏa mỗi người được hưởng 25% quyền sử dụng đối với di sản thừa kế của cụ **L2**. Đồng thời, ông **T2**, ông **H1**, ông **Đ** và bà **V** cùng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 24/4/2018 với bên nhận chuyển nhượng - Bà **Lâm Cẩm B** diện tích 282.4 m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 9.353,5 m<sup>2</sup> m<sup>2</sup>. Các văn bản ông **T2**, ông **H1**, ông **Đ** và bà **V** đã ký về di sản của cụ **L2** để lại làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh **Phạm Ngọc L**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Phạm Quốc Đ** chết (Theo trích lục khai tử số 225/TLKT-BS ngày 13/9/2022 xác định ông **Đ** chết ngày 09/7/2021). Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ xác định ông **Phạm Quốc Đ** có 01 người con ruột tên **Phạm Quốc C**, sinh năm 1993. Vì vậy, anh **C** có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết (ông **Đ**) để lại trong phạm vi di sản mà anh **C** nhận được từ ông **Đ** là phù hợp quy định Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Quốc H1**, ông **Phạm Văn T2**, anh **Phạm Quốc C** có nghĩa vụ hoàn lại giá trị phần di sản của ông **D** mà anh **L** được hưởng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 662 Bộ luật dân sự.

[7]. Nguyên đơn anh **Phạm Ngọc L** yêu cầu được nhận một khoản tiền tương ứng với phần di sản của anh **L** được hưởng là phù hợp với hoàn cảnh sống của anh **L** (hiện anh **L** đang sống ổn định tại **thành phố T, tỉnh Bình Dương**, có nhà cửa ổn định nên không có nhu cầu về chỗ ở tại **khu phố P, phường P**), việc hoàn lại phần di sản bằng tiền mặt đảm bảo cho việc thi hành án, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 662 Bộ luật dân sự.

[8]. Xác định giá trị di sản cụ **Nguyễn Thị L2** để lại:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thực hiện được việc xem xét thẩm định tài sản tại chỗ và đo đạc thửa đất tranh chấp do bị đơn – bà **Phạm Thị Cẩm V** (người đang sử dụng phần đất tranh chấp) không hợp tác. Đồng thời, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trên thửa đất tranh chấp. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 851/ĐS QSDĐ/UB do **Ủy ban nhân dân**

huyện P (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L2 ngày 13/9/2004 để trưng cầu cơ quan chuyên môn định giá định giá tài sản.

Theo biên bản định giá ngày 30/12/2021, Hội đồng định giá thị xã P xác định thửa đất là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L2 có tổng diện tích 9.353,5 m<sup>2</sup> (Trong đó 140 m<sup>2</sup> đất thổ cư, 9213.5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước có giá trị là 2.793.764.200 (*Hai tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tư hai trăm*) đồng. Nguyên đơn cho rằng Hội đồng định giá thị xã P xác định là thấp hơn với giá trị thực tế nên nguyên đơn yêu cầu giám định lại bằng tổ chức độc lập. Ngày 01/3/2022, Công ty TNHH T4 đã ra chứng thư thẩm định giá số 119302012CTA00027 xác định giá trị di sản là 16.449.220.000 đồng. Tại điểm 7.1 khoản 7 Báo cáo kết quả thẩm định giá (*kèm theo Chứng thư thẩm định giá*) thể hiện Thẩm định viên áp dụng phương pháp so sánh số liệu 03 giao dịch của các tài sản so sánh trên thị trường gần thời điểm cần thẩm định giá, và tại điểm 7.2 khoản 7 Báo cáo kết quả thẩm định thể hiện giá trị thửa đất tranh chấp được xác định dựa trên việc so sánh với 03 giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất tọa lạc tại khu phố P, phường P, TX P, tỉnh Bình Phước của anh L3, anh H3 và anh T2 (không thể hiện rõ họ tên, địa chỉ). Do 02 hội đồng đưa ra giá là chênh lệch quá lớn và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T4 không giải thích được và xin thêm thời gian để xem xét lại nội dung chứng thư thẩm định giá số 119302012CTA00027, sau đó người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T4 có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt, Công ty TNHH T4 cũng không có bất kỳ ý kiến nào. Đây thuộc trường hợp đấu giá viên và công ty T4 không thể chứng minh căn cứ để đưa ra giá mà mình đã kết luận. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương ngày 28/02/2023 thì ghi nhận được nội dung 03 số điện thoại của anh L3, anh H3 và anh T2 trong chứng thư thẩm định giá đều cho biết họ không có thửa đất nào ở khu phố P, phường P, TX P, tỉnh Bình Phước và chưa từng làm việc với nhân viên nào của Công ty TNHH T4. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở áp dụng giá mà Công ty TNHH T4 đã kết luận, cần căn cứ vào giá trị tài sản Hội đồng định giá thị xã P đưa ra theo biên bản định giá ngày 30/12/2021 là 2.793.764.200 (*Hai tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn hai trăm*) đồng làm căn cứ phân chia di sản.

[9]. Xét giá trị di sản mà anh Phạm Ngọc L được hưởng theo quy định:

Căn cứ vào các nhận định tại phần [5], [6], [7], [8] thì di sản cụ Nguyễn Thị L2 để lại có giá trị là 2.793.764.200 đồng. Di sản được chia đều thành 07 phần cho 07 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, mỗi phần có giá trị là 399.109.171 đồng. Như vậy, ông Phạm Ngọc D được nhận phần giá trị di sản là 399.109.171 đồng.

Nguyên đơn anh Phạm Ngọc L là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D nên phần di sản anh L được hưởng là 133.036.390 đồng. Cần buộc bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Quốc H1, ông Phạm Văn T2, anh Phạm Quốc C có nghĩa vụ hoàn lại cho ông L tổng



số tiền là 133.036.390 đồng. Bà V, ông H1, ông T2 và anh C mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Phạm Ngọc L số tiền là 33.259.000 (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

[10]. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Phạm Ngọc L có yêu cầu rút phần khởi kiện đối với phần đất nguyên đơn cho rằng ông D được bà L2 tặng cho khi bà L2 còn sống là phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[11]. Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[12]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Quốc H1, ông Phạm Văn T2 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Quốc Đ là anh Phạm Quốc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.662.950 (*Một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi*) đồng.

Nguyên đơn anh Phạm Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[13]. Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc L được chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Phạm Thị Cẩm V phải trả lại cho nguyên đơn anh Phạm Ngọc L số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 5.000.000 (Năm triệu đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 609; 610; 611; 612; 613; 614; 615; 623; 649; 650; 651; 652 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 100; 167 Luật đất đai 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. **Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc L về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L2. Di sản của cụ Nguyễn Thị L2 là thửa đất có diện tích 9.353,5 m<sup>2</sup> (*Trong đó 140 m<sup>2</sup> đất thổ cư, 9213.5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm*) tọa lạc tại Khu phố P, phường P, TX P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 851/ĐS QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L2 ngày 13/9/2004 có diện tích 11.788m<sup>2</sup> (chính lý trang

IV ngày 28/02/2005 chuyển nhượng cho ông **Phạm Văn T2** 2194m<sup>2</sup> tại thửa số 109<sup>A</sup> và ngày 24/10/2008 chuyển quyền sử dụng đất cho ông **Phạm Quốc Đ** diện tích 60m<sup>2</sup> ODT + 180.5m<sup>2</sup> CLN).

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ **Nguyễn Thị L2** là chị **Nguyễn Thị Thu U**, bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Quốc H1**, ông **Phạm Ngọc D**, ông **Phạm Văn T2**, ông **Phạm Quốc Đ**, bà **Phạm Thị Bích L1**.

Buộc bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Văn T2**, ông **Phạm Quốc H1**, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **Phạm Quốc Đ** là anh **Phạm Quốc C** có nghĩa vụ trả (thanh toán) lại cho nguyên đơn anh **Phạm Ngọc L** tổng số tiền là 133.036.390 đồng. Bà **V**, ông **H1**, ông **T2** và anh **C** mỗi người có nghĩa vụ trả (thanh toán) lại cho anh **Phạm Ngọc L** số tiền là 33.259.000 (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn) đồng

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà **Phạm Thị Cẩm V**, ông **Phạm Quốc H1**, ông **Phạm Văn T2**.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **Phạm Quốc Đ** là anh **Phạm Quốc C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.662.950 (Một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

Nguyên đơn anh **Phạm Ngọc L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. **H4** lại cho anh **Phạm Ngọc L** số tiền tạm ứng án phí mà anh **L** đã nộp 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006680 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TX Phước Long, tỉnh Bình Phước.

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn bà **Phạm Thị Cẩm V** phải trả lại cho nguyên đơn anh **Phạm Ngọc L** số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 5.000.000 (Năm triệu đồng)

[4]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.



***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TX P.Long;
- Chi cục THADS TX P.Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Minh Nghĩa